TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **20**/2026/QĐST- KDTM	*Quảng Trị, ngày 29 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số: 16/2026/TLST-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N (A) trụ sở chính: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Như P – Giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh Đ, Quảng Trị; địa chỉ: Số B đường H, phường N, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền số 2664/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

- Bị đơn: ông Phạm Văn T, sinh năm 1972 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Khu phố F, phường N (phường E cũ), tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản vay:

- Ông Phạm Văn T, bà Ngô Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N (Chi nhánh Đ, Quảng Trị) theo Hợp đồng tín dụng số 3902-LAV-202400907 ngày 03/5/2024 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/HĐSĐBS ngày 14/4/2025 tính đến hết ngày 21/05/2026 với số tiền là: **1.622.525.865** đồng *(Một tỷ sáu trăm hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng)*, trong đó:

+ Tiền gốc: 1.500.000.000đồng *(Một tỷ năm trăm triệu đồng);*

+ Lãi trong hạn: 89.005.479 đồng *(T1 mươi chín triệu không trăm linh năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng);*

+ Lãi quá hạn: 31.947.944 đồng *(Ba mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng);*

+ Lãi chậm trả: 1.572.442 đồng *(Một triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng).*

- Ông Phạm Văn T và bà Ngô Thị H phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký nói trên kể từ ngày 22/5/2026 cho đến khi tất toán khoản vay.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

- Trường hợp ông Phạm Văn T và bà Ngô Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại số thửa 110, tờ bản đồ số 28, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: X556487, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02533/QSDĐ304/HĐCN do UBND thị xã Đ cấp ngày 11/6/2003 cho bà Phạm Thị Thu T2; ngày 31/3/2021 chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T và bà Ngô Thị H; địa chỉ tại Khu phố F, phường N; theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/2022/HĐTC ngày 21/04/2022 được Văn phòng C, quyển số 02/2022TP/CC-SCC/HĐG ngày 21/4/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01.1/HĐSĐBS ngày 02/5/2024 để thu hồi nợ. (Ranh giới, mốc giới thửa đất được xác định theo hiện trạng sử dụng đất theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/4/2026 của Tòa án và Bản đồ thửa đất do công ty TNHH Đ1 ngày 04/5/2026);

- Nếu tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ nói trên thì ông Phạm Văn T, bà Ngô Thị H phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng N cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

2.3. Về chi phí tố tụng: ông Phạm Văn T và bà Ngô Thị H thỏa thuận chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 4.300.000đồng *(Bốn triệu ba trăm nghìn đồng)*. Do Ngân hàng N đã chi phí số tiền trên nên ông Phạm Văn T, bà Ngô Thị H phải hoàn trả số tiền xem xét, thẩm định cho Ngân hàng N là 4.300.000 đồng *(Bốn triệu ba trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ) của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí:

+ Ông Phạm Văn T và bà Ngô Thị H thỏa thuận chịu toàn bộ án phí là: 30.337.888 đồng *(Ba mươi triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi tám đồng)* án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm.

+ Ngân hàng N không phải chịu án phí; trả lại Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 29.773.213 đồng *(Hai mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm mười ba đồng)* theo Biên lai số BLTU/26E/0000960 ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Quý